

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư Mã số dự án: 9982506363 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc chứng nhận thay đổi lần thứ 12 ngày 01/08/2022, điều chỉnh thông tin về người đại diện theo pháp luật của Nhà đầu tư thứ hai, mục tiêu dự án, tiến độ thực hiện dự án;

Căn cứ Giấy xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường số 2884/GXN-STNMT ngày 16/9/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 19/TTr-STNMT ngày 16/01/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp giấy phép môi trường cho Ký túc xá nhân viên Công ty Honda Việt Nam (nâng công suất hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt từ 220 m³/ngày đêm lên 420 m³/ngày đêm) tại phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Ký túc xá nhân viên Công ty Honda Việt Nam.

1.2. Địa điểm hoạt động: phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

1.3. Các giấy tờ pháp lý của dự án như sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư Mã số dự án: 9982506363 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc chứng nhận thay đổi lần thứ 12 ngày 01/08/2022, điều chỉnh thông tin về người đại diện theo pháp luật của Nhà đầu tư thứ hai, mục tiêu dự án, tiến độ thực hiện dự án;

- Giấy xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường số 2884/GXN-STNMT ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc;

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên Mã số doanh nghiệp: 2500150543 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc chứng nhận thay đổi lần thứ 11 ngày 01 tháng 04 năm 2021.

1.4. Loại hình sản xuất kinh doanh, dịch vụ: Nhà ở cho công nhân.

1.5. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Diện tích đất sử dụng của công trình là 8.911m².

- Quy mô xây dựng, gồm:

+ Khu nhà ở cho công nhân: Diện tích xây dựng 2.601 m², gồm 04 khối nhà 06 tầng.

+ Nhà bảo vệ: Nhà bảo vệ số 01 diện tích xây dựng 16 m². Nhà bảo vệ số 02 diện tích xây dựng 10 m².

+ Đường giao thông nội bộ: diện tích 3.525 m².

+ Cây xanh, khuôn viên: 1.312 m².

- Quy mô công trình: Dự án nhóm B (*phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công*).

- Công suất của cơ sở:

+ Ký túc xá đáp ứng cho 1.800 người;

+ Hệ thống XLNT sinh hoạt có công suất 420 m³/ngày đêm, trong đó: modul hiện có là 220 m³/ngày đêm, modul xây mới là 200 m³/ngày đêm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Honda Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng;

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải đảm bảo chất thải sau khi xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường; quản lý

chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường và phải dừng ngay việc xả thải chất thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường và các quy định về bảo vệ môi trường;

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh Vĩnh Phúc, Sở Tài nguyên và Môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn tới ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác so với các nội dung quy định trong Giấy phép môi trường, phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT;
 - CVP, các PCVP;
 - Các sở, ngành: TN&MT, Xây dựng, Công Thương, Ban Quản lý các KCN, Công an tỉnh;
 - UBND thành phố Phúc Yên;
 - UBND phường Phúc Thắng;
 - Cổng Thông tin điện tử Vĩnh Phúc (đăng tải);
 - Công ty Honda Việt Nam;
 - CV: NN5, CN1,2,3;
 - Lưu: VT, NN4.
- (H- 07 b)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Khước

PHỤ LỤC 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 195 /GPMT-UBND ngày 31 / 01 /2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc)

A. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

Cơ sở chỉ phát sinh nước thải sinh hoạt của nhân viên sinh sống trong Ký túc xá, cụ thể:

+ Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt: nước đen, nước xám, nước thải nhà bếp.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả thải

2.1. Dòng nước thải: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại Ký túc xá được xử lý sơ bộ rồi đầu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung với công suất thiết kế là 420 m³/ngày.đêm bao gồm 02 modul: Modul 01 công suất 220 m³/ngày đêm, Modul 02 công suất 200 m³/ngày đêm.

2.2. Vị trí xả thải: tại góc phía Tây Bắc của Ký túc xá, Phúc Thắng, Phúc Yên, Vĩnh Phúc; tọa độ VN 2000 (X= 2349072,7; Y=574070,2).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 420m³/ngày đêm

a) Chế độ xả nước thải: Xả liên tục (24 giờ).

b) Chất lượng nước thải trước khi xả môi trường phải đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, K=1,0, cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị tối đa cho phép QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, K=1,0
1	pH	-	5-9
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100
4	TDS	mg/l	1.000
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,0
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	50
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	20
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10
10	Phosphat (tính theo P)	mg/l	10
11	Tổng coliforms	MPN/100ml	5.000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

a) Mạng lưới thu gom nước thải

* *Hệ thống thoát nước mái và thoát nước bề mặt:* Nước mưa từ mái các tòa nhà trong Ký túc xá được thu gom vào hệ thống thoát nước mưa chung của toàn Ký túc xá với các đường cống ngầm bê tông cốt thép (PC300, PC400, PC500) và các hố ga (1240x1240mm, 1080x1080mm, 900x900mm) để lắng cặn sơ bộ trước khi thoát vào hệ thống thoát nước mưa hiện có của Khu đô thị Đồng Sơn tại 02 điểm thoát nước tại lòng đường nội bộ phía Bắc và Tây Bắc của Ký túc xá.

* *Hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:* - Hệ thống thu gom nước thải được chia làm 02 tuyến chính gồm hệ thống thu gom nước thải đen và hệ thống thu gom nước thải xám, độ dài mỗi tuyến khoảng 300m.

Tuyến thu gom và xử lý nước thải đen bao gồm: hố ga, đường ống, hố bơm trong đó:

+ 10 hố ga trung chuyển nước thải được thiết kế dọc các lối đi và các tuyến đường trong Ký túc xá để thu gom, trung chuyển nước thải về hệ thống XLNT;

+ Nước thải đen trước khi vào hệ thống XLNT sẽ qua hố bơm số 1 (1,2x1,2x2,5H).

+ Đường ống được lắp đặt bằng các loại ống PVC 110, PVC 160, PVC 200, và HDPE 280 phù hợp với địa hình, tổng chiều dài khoảng 100 m.

Tuyến thu gom và nước thải xám bao gồm: hố ga, bể tách mỡ, đường ống trong đó:

+ 11 hố ga trung chuyển nước thải xám được thiết kế dọc các lối đi và các tuyến đường trong Ký túc xá để thu gom, trung chuyển nước thải xám;

+ 02 bể tách mỡ dung tích 1,5 m³/bể;

+ Đường ống được lắp đặt bằng các loại ống PVC 60, PVC 90, PVC 110, PVC 160 và HDPE 250 phù hợp với địa hình, tổng chiều dài khoảng 174 m.

Nước thải được đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 420 m³/ngày đêm để xử lý. Nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn được thoát theo hệ thống đường ống thoát nước thải của Ký túc xá ra hệ thống thoát nước thải của Khu đô thị Đồng Sơn.

- Hệ thống đường ống thoát nước thải của Ký túc xá bao gồm:

+ Nước thải sau xử lý qua hệ thống XLNT đi qua đường ống HDPE 250, $i = 1,5\%$ đến hố ga M-9A. Từ hố ga M-9A, nước thải đi theo đường ống HDPE 280, $i=1,5\%$ về hố bơm số 2 (1,2x1,2x2,5H).

+ Từ hố bơm số 2, nước thải đi theo đường ống PVC 160, $i=1\%$ chiều dài khoảng 26m về hố ga M-10A. Từ hố ga M-10A, nước thải đấu nối với hệ thống

thu gom nước thải của Khu đô thị Đồng Sơn theo đường ống thoát nước PVC 200, $i=1\%$.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước:

- Quy trình công nghệ:

Modul 01 công suất 220 m³/ngày đêm: Nước thải sau khi xử lý sơ bộ → Hồ thu → Máy tách rác → Bể điều hòa → Song chắn rác tinh → Bể khử Nitơ → Bể Nitrat hóa/Bể MBR → Bể chứa nước đầu ra → Hệ thống thoát nước của Khu đô thị Đồng Sơn.

Modul 02 công suất 200 m³/ngày đêm: Nước thải sau khi xử lý sơ bộ → Hồ thu → Máy tách rác → Bể điều hòa → Song chắn rác tinh 2 → Bể khử Nitơ 2 → Bể Nitrat hóa/Bể MBR 2 → Bể chứa nước đầu ra 2 → Hồ gom → Hệ thống thoát nước của Khu đô thị Đồng Sơn.

- Tổng công suất thiết kế: 420m³/ngày đêm

- Hóa chất sử dụng: Methanol 99%, NaOH 32%, PAC, Javen 8%, Polymer Specfloc C1492 (cho máy ép bùn).

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

- Thời gian vận hành thử nghiệm: Theo quy định tại điểm b Khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 420m³/ngày đêm, trong đó: modul 01 có công suất 220 m³/ngày đêm, modul 02 có công suất 200 m³/ngày đêm.

- Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm; Quy chuẩn so sánh: theo Phần A phụ lục này.

- Tần suất lấy mẫu: Theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

PHỤ LỤC 2
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 195 /GPMT-UBND ngày 31 / 01 /2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng ước tính (kg/tháng)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	16
2	Bao bì dính hóa chất độc hại	18 01 01	11
3	Pin, ắc quy thải	16 01 12	2
4	Giẻ lau dính dầu	15 02 02	16
5	Sơn, mực, chất kết dính và nhựa thải có các thành phần nguy hại (bút sơn, lọ sơn, RP7, hộp keo mỡ)	16 01 09	16
6	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	12 06 10	1.200
	Tổng		1.261

1.2. CTR sinh hoạt phát sinh từ hoạt động vệ sinh, sinh hoạt của cán bộ, nhân viên làm việc tại công trình: Khoảng 6.000 kg/tháng.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa dung tích 90 lít/thùng, bao mềm nilon.

- Khu vực lưu chứa: Lưu chứa trong kho chứa chất thải nguy hại (*cạnh kho chứa chất thải sinh hoạt, có mái che, rãnh W200 chống thấm phòng trường hợp tràn đổ chất thải dạng lỏng*)

+ Diện tích: 12m²

+ Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Kết cấu bằng tường gạch kết hợp tôn bao che, sàn BTXM kín khít, không bị thấm thấu, tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kín nắng, mưa; cuối kho bố trí rãnh W200 chống thấm phòng trường hợp tràn đổ chất thải dạng lỏng. Bên trong bố trí các thùng đựng 90 lít/thùng; bao bì mềm và có dán nhãn, ghi mã cụ thể.

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt: Ký túc xá bố trí 07 hồ thu rác tại các tòa nhà để thu gom chất thải sinh hoạt. Mỗi tầng đều bố trí 01 cửa đổ rác có kích thước LxB=0,55mx0,55m, có chốt bằng inox. Chiều cao cửa đổ rác so với sàn là 0,9 m. Hồ thu rác có đường kính trong d

= 0,61m, mặt trong bố trí đai đỡ ống, ngoài là giá đỡ ống thép (thép U100). Chất thải sinh hoạt sẽ được thu gom hàng ngày tại các cửa xả rác thải sinh hoạt tại tầng một của mỗi hố thu rác và tập kết tại kho chứa chất thải sinh hoạt khoảng 14 m² (LxB=6,62mx2,1m). Các loại rác thải sinh hoạt được đựng trong các thùng đựng rác có nắp đậy, dung tích 250cmx60cm, 240lít. Tần suất vận chuyển đem đi xử lý 02 lần/tuần.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Xây dựng phương án phòng cháy chữa cháy cho công trình gồm các hạng mục sau: Hệ thống báo cháy tự động, hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler, hệ thống chữa cháy họng nước vách tường, hệ thống chữa cháy ngoài nhà.

- Trang bị đầy đủ trang thiết bị phục vụ công tác ứng phó sự cố và phòng chống cháy nổ.

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống thu gom thoát nước mưa, nước thải, phòng ngừa tắc nghẽn cục bộ, vệ sinh khuôn viên công trình để hạn chế rác thải cuốn theo nước mưa ra bên ngoài. Xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải.

PHỤ LỤC 3
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 195 /GPMT-UBND ngày 31 / 01 /2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải cải tạo phục hồi môi trường

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải cải tạo phục hồi môi trường

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật./.

(Trang cuối./.)